

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
2		RP3+RP2+RC3	7:25	14+5+0	0+0+0		10+8+4	0+0+0	chuyen 1 rp3-rc3
3		PPD+RP3	7:25	21+0	0+0		3+19	0+0	
4		P4+PPD	9:25	18+2	0+0		9+13	0+0	
5		P10+P4	9:25	14+6	0+0		10+12	0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày PPD-2ng XNKT



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2025	TO: PPD - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	POPOV ALEXEY A.A.	PPD						79	KH-THAC	Russian
2	SYSTEROV ROMAN	PPD	34	1	3			76	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	52	1	4			62	KHI	Vietnamese
4	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	33	1	5			74	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	37	1	5			72	KHI	Vietnamese
6	VÔ VĂN QUYỀN	PPD	51	1	4			72	KHI	Vietnamese
7	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	38	1	6	5	80	79	KHI	Vietnamese
8	NGÔ SỸ THANH	PPD	35	1	7			91	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	43	1	6			65	KHI	Vietnamese
10	BUI THANH HAI	PPD	48	1	4			64	KHI	Vietnamese
11	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	39	1	4			73	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	41-42	2	14			77	KHI	Vietnamese
13	OKOVANTSEV G.F	PPD	40	1	11			116	KHI	Russian
14	ĐỖ VĂN TUÂN	PPD	32	1	3			71	KHI	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	49	1	4			58	KHI	Vietnamese
16	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	44	1	6			75	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	50	1	5			55	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TẤT KHÁNH	PPD	53	1	6			73	KHI	Vietnamese
19	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	47	1	7			64	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG TUÂN NHẬT	PPD	45-46	2	8	2	14	78	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	30-31	2	12			79	T-TIN	Vietnamese
22	HOANG VAN CUONG	PPD	36	1	17			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	22	1.629	24	141	7	94	21		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.629	24	141	7	94	22		
WEIGHT KG			1.629		141		94			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2025	TO: RP3 - RP2 - RC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: XHOÀN - N.CUÔNG -	ETA: 09:25
CAM-1		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUBOV A.	RP3	09	1	7			97	KH-THAC	Russian
2	KHARITONOV YURY	RP3	10	1	6			76	KHI	Russian
3	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	19	1	7			84	KHI	Vietnamese
4	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	21	1	2			71	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN KÝ	RP3	12	1	5			66	KHI	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	13	1	8			80	KHI	Vietnamese
7	VŨ ĐÓN LONG	RP3	15,17	2	11			77	KHI	Vietnamese
8	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	16	1	5			66	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HAI	RP3	11	1	6			64	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG NAM	RP3	20	1	3			65	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN QUỐC CUÔNG	RP3	18	1	8			82	KHI	Vietnamese
12	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	22	1	8	2	27	77	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VIẾT MINH HOANG	RP3	14	1	7			87	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN ĐO	RP3	08	1	8	1	7	73	PSV	Vietnamese
15	TRINH HUU CHUNG	RP2	12	1	10	1	15	87	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ VĂN LỢI	RP2	14-15	2	20	1	10	68	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ XUÂN LẬP	RP2	16	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY KHANH	RP2	17,52	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN BA QUY	RP2	08	1	10	1	12	72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	14	1.065	15	91	3	34	10+1		CHUYEN 1 PAX TU RP3-RC3
2	RP2	5	350	7	75	3	37	8		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	1.415	22	166	6	71	22		
WEIGHT KG			1.415		166		71			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2025	TO: PPD - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHM - HUC - DNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE TRUNG LAN	PPD	43	1	4			82	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	39	1	3			75	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TU	PPD	46	1	10			75	KHI	Vietnamese
4	TRUONG HAI HA	PPD	45	1	7			70	KHI	Vietnamese
5	LE THANH TRUNG	PPD	04	1	4			66	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN THE HUNG	PPD	23	1	4			74	KHI	Vietnamese
7	DOAN MANH TOAN	PPD						83	KHI	Vietnamese
8	LUONG MANH DUONG	PPD	42	1	6			61	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN SON	PPD	36-37	2	12			76	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DANG THANH	PPD	35	1	14			63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN QUY DUNG	PPD	26	1	13			62	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN NIN	PPD	24-25	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM VIET HUU	PPD	34	1	17			60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HIEU	PPD	33	1	14			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN TRINH	PPD	27	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN TOAN	PPD	40-41	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
17	VU QUANG TRUONG	PPD	28	1	16	2	20	72	XAYLAP	Vietnamese
18	LE XUAN TIEN	PPD	31-32	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
19	LE DOAN HAI	PPD	29-30	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VAN HIEP	PPD	38	1	10			75	PSV	Vietnamese
21	VU VAN HUNG	PPD	22	1	5			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	21	1.459	25	228	2	20	3		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	19		
TOTAL		21	1.459	25	228	2	20	22		
WEIGHT KG			1.459		228		20			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2025	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN LÊ HUY	P4	63	1	4	8	140	71	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	64	1	4			71	KHI	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TIẾN	P4	72	1	6			68	KHI	Vietnamese
4	LÊ VĂN MẠNH	P4						58	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC DUY	P4	66	1	4			62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	67	1	4			99	KHI	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	61-62	2	13			70	KHI	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	68	1	3			80	KHI	Vietnamese
9	ZAGUDAEV E. V	P4	59	1	3			79	KHI	Russian
10	OCHARENKO A.N.	P4	55	1	6			83	KHI	Russian
11	LÊ NGỌC THẮNG	P4	69-70	2	7			83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN NINH	P4	58	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM HOANG	P4	56-57	2	19			56	CODIEN	Vietnamese
14	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	65	1	3			66	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NAM	P4	60	1	3			70	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	74	1	6			68	KHI	Vietnamese
17	LÊ QUANG VINH	P4	73	1	7			70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	71	1	5			74	KHI	Vietnamese
19	TRẦN TUẤN ANH	P4	53	1	12			70	CODIEN	Vietnamese
20	DO VĂN THANH	P4	54	1	10			88	CODIEN	Vietnamese
21	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	PPD	61	1	5			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	20	1.463	22	130	8	140	9		
2	PPD	1	61	1	5	0	0	13		
TOTAL		21	1.524	23	135	8	140	22		
WEIGHT KG			1.524		135		140			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/03/2025	TO: P10 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: KHOÀN - N.CƯỜNG -	ETA: 11:45
CAM-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN CHINH	P10	56	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	P10	55	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN PHÚC	P10	69-70	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P10	71	1	12			67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN GIA HIỆU	P10	64	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI VĂN CHUNG	P10	72	1	15			50	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	P10	61	1	16			78	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH ĐỨC	P10	68	1	19			91	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TOÀN	P10	57-58	2	19			56	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ DANH NGỌC	P10	73-74	2	19	1	20	80	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN HỒNG	P10	65-66	2	19			99	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ VĂN TOÀN	P10	59-60	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ VIỆT HOÀNG	P10	62-63	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRONG QUÊ	P10	67	1	19			70	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO AN TUÂN	P4	77-78	2	17			51	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM MINH VŨ	P4	06-07	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN THANH HÙNG	P4	04-05	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TÙNG	P4	79-80	2	19	2	38	75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH LINH	P4	82	1	15			83	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG SƠN	P4	76	1	8			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	14	999	20	231	1	20	10		
2	P4	6	445	10	97	2	38	12		
TOTAL		20	1.444	30	328	3	58	22		
WEIGHT KG			1.444		328		58			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN